

Lộc Ninh, ngày 03 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 66/2024/TLST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh T1, sinh năm: 1963
Địa chỉ: Ấp TC, xã LT, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Vũ Xuân T2 sinh năm: 1963
Bà Vũ Thị H, sinh năm 1969.
Địa chỉ: Ấp TC, xã LT, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Vũ Xuân T2, bà Vũ Thị H liên đới trả cho bà Lê Thị Thanh T1 số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) thời gian trả như sau:

- Lần 1: Ngày 15/7/2024 trả số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)
- Lần 2: Ngày 15/11/2024 trả số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)
- Lần 3: Ngày 15/3/2025 trả số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng)
- Lần 4: Ngày 15/7/2025 trả số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng)

Trường hợp ông T2 bà H vi phạm nghĩa vụ trả tiền như thỏa thuận thì bà T1 yêu cầu ông T2 bà H trả một lần và trả toàn bộ số tiền còn lại.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T1 đối với ông T2 bà H về việc trả số tiền lãi.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu. Ông T2 bà H chịu tiền án phí: Do ông T2 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu, bà H phải chịu ½ số tiền án phí 2.375.000đ (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Kiều Chinh